

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 1393/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1239/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Mỹ T, sinh năm 1968; địa chỉ: 67/8A ấp D, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1964; thường trú: ấp A, xã H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở: 67/8A ấp D, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Mỹ T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn T chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại 67/8A ấp D, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh nhưng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, không cùng chí hướng, cách nhìn nhận các vấn đề trong cuộc sống trái ngược nhau, bất đồng trong việc nuôi dạy con cái khiến vợ chồng căng thẳng, xung đột. Vì sĩ diện cá nhân, bà đã cố gắng chịu đựng, không muốn ai biết, vợ chồng cố gắng để dung hòa nhưng không được nên đã sống ly thân từ ngày 12/9/2018. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông T nên không thể đoàn tụ, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T. Bà và ông T có 03 con chung là Đỗ Đại D, sinh ngày 02/4/1993 (chết ngày

15/6/2009), Đỗ Mỹ Tây T, sinh ngày 21/12/1996, Đỗ Đại Đăng Đ, sinh ngày 26/01/2007. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Con chung là Đỗ Mỹ Tây T đã đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông T đồng ý thống nhất toàn bộ nội dung trình bày của vợ ông là Đỗ Thị Mỹ T về thời gian vợ chồng chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về thời gian vợ chồng sống ly thân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông cũng đồng ý thống nhất các yêu cầu khởi kiện của bà T, cụ thể: đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T; đồng ý giao con chung là Đỗ Đại Đăng Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Tấn T; yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Đại Đăng Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung và tài sản chung.

Bị đơn đồng ý thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Đỗ Thị Mỹ T; đồng ý giao con chung là Đỗ Đại Đăng Đ cho bà T nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung và tài sản chung.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà T và ông T chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn nên việc bà T khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng là có cơ sở chấp nhận. Các đương sự tự nguyện thống nhất với nhau về con chung, nuôi con, cấp dưỡng nên ghi nhận. Các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng; Các đương sự đang cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

[2.1] Về yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng: Căn cứ lời khai của các đương sự và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 218/2019/UBND-XNTTHN ngày 20/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, có căn cứ xác định bà Đỗ Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tấn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà T và ông T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng: Căn cứ lời khai của các đương sự, bản sao giấy khai sinh số 1308TH, quyền số 10/1995 ngày 29/11/1995 của UBND huyện Hóc Môn, số 197 quyền số 02/1996 ngày 29/12/1996 và số 47 quyền số 01/2007 ngày 27/02/2007 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn cấp, xác định bà T và ông T có 03 con chung là Đỗ Đại D, sinh ngày 02/4/1993, Đỗ Mỹ Tây T, sinh ngày 21/12/1996, Đỗ Đại Đăng Đ, sinh ngày 26/01/2007. Con chung là Đỗ Đại D đã chết ngày 15/6/2009 theo Giấy chứng tử số 56, quyền số 01/2009 ngày 23/6/2009 của UBND xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn. Con chung là Đỗ Mỹ Tây T đã đủ 18 tuổi. Bà T và ông T thống nhất giao con chung là Đỗ Đại Đăng Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tấn T là vợ chồng.

- Về con chung và nuôi con chung: có 03 con chung là Đỗ Đại D, sinh ngày 02/4/1993 (chết ngày 15/6/2009), Đỗ Mỹ Tây T, sinh ngày 21/12/1996, Đỗ Đại Đăng Đ, sinh ngày 26/01/2007.

+ Giao cho bà Đỗ Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Đại Đăng Đ, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2007; tạm ngừng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Tấn T cho đến khi có yêu cầu của bà Đỗ Thị Mỹ T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Con chung là Đỗ Mỹ Tây T, sinh ngày 21/12/1996 đã đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Mỹ T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008568 ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Như vậy, bà Đỗ Thị Mỹ T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Văn Huy